



KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200493225 ngày 1 tháng 7 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Sơn Bá	Thành viên
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đặng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Nghiêm Xuân Chiến	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên (đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thùy	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trương Văn Thời	Thành viên
Ông Vũ Quang Huy	Thành viên (từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Ngọc Bảo Yến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 6 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc
Ông Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 1 năm 2022)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Dương Sơn Bá	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Thôn Đoan, Xã Tam Hưng
Huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 9 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00342-23-1



Trần Thị Lê Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.346.174.017.071	2.966.326.810.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	515.644.569.245	568.241.225.180
Tiền	111		15.644.569.245	18.241.225.180
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	550.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	100.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.314.441.837.472	1.766.118.562.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.301.291.617.588	1.700.113.068.826
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.287.224.579	51.020.847.909
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.862.995.305	14.984.645.379
Hàng tồn kho	140	10	404.973.500.584	560.067.490.089
Hàng tồn kho	141		404.973.500.584	560.067.490.089
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.114.109.770	1.899.532.869
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.200.567.967	627.534.754
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.271.998.115
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17(b)	913.541.803	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.874.618.662.247	5.735.597.021.145
Tài sản cố định	220		4.615.202.383.976	5.528.207.510.138
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.605.012.397.095	5.526.451.187.474
Nguyên giá	222		22.144.785.043.256	22.125.917.998.980
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.539.772.646.161)	(16.599.466.811.506)
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.189.986.881	1.756.322.664
Nguyên giá	228		14.723.047.322	4.542.963.724
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.533.060.441)	(2.786.641.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		41.295.392.750	6.269.692.382
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	41.295.392.750	6.269.692.382
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		217.620.885.521	200.619.818.625
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	145.126.309.993	126.029.698.235
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		72.494.575.528	74.590.120.390
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.220.792.679.318	8.701.923.831.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.903.239.627.025	2.475.731.954.180
Nợ ngắn hạn	310		1.501.073.456.990	1.327.979.436.070
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	556.076.858.911	340.474.143.698
Người mua trả tiền trước	312		45.995.251	45.995.251
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	28.974.038.950	13.449.427.575
Phải trả người lao động	314		82.264.931.939	31.448.652.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	21.146.772.789	28.026.395.207
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.541.409.557	68.988.649.433
Vay ngắn hạn	320	20(a)	784.934.691.416	820.129.317.939
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	24.088.758.177	25.416.854.067
Nợ dài hạn	330		402.166.170.035	1.147.752.518.110
Vay dài hạn	338	20(b)	392.467.346.183	1.137.212.587.517
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		9.698.823.852	10.539.930.593
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		6.317.553.052.293	6.226.191.877.217
Vốn chủ sở hữu	410	22	6.317.553.052.293	6.226.191.877.217
Vốn cổ phần	411	23	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.549.131.827	3.813.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	557.558.074.954	570.293.306.781
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		546.793.075.362	455.431.900.286
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		546.793.075.362	455.431.900.286
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.220.792.679.318	8.701.923.831.397

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phùng Đức Tuyên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Quốc Toàn
 Kế toán trưởng


 Dương Sơn Bá
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	10.511.191.220.155	9.026.539.894.518
Giá vốn hàng bán	11	28	9.697.213.317.647	8.370.242.756.970
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		813.977.902.508	656.297.137.548
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	23.615.450.251	75.102.867.041
Chi phí tài chính	22	30	170.559.686.845	153.110.280.727
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		101.139.201.716	153.110.280.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	117.479.828.111	97.778.383.618
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		549.553.837.803	480.511.340.244
Thu nhập khác	31	32	31.784.529.582	4.972.709.592
Chi phí khác	32		5.735.275.850	5.826.097.892
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		26.049.253.732	(853.388.300)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		575.603.091.535	479.657.951.944
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	28.810.016.173	24.226.051.658
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		546.793.075.362	455.431.900.286
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	35	1.094	800

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởng

Dương Sơn Bá
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		575.603.091.535	479.657.951.944
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		940.695.360.387	1.299.686.357.023
Các khoản dự phòng	03		-	(544.322.778)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		40.192.028.361	(31.826.742.575)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.366.566.220)	(21.529.559.958)
Chi phí lãi vay	06		101.139.201.716	153.110.280.727
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.642.263.115.779	1.878.553.964.383
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(1.555.380.061.022)	(1.204.868.680.130)
Biến động hàng tồn kho	10		157.189.534.367	174.526.175.683
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		293.908.013.176	(221.411.421.979)
Biến động chi phí trả trước	12		(28.669.644.971)	10.339.530.334
			509.310.957.329	637.139.568.291
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.696.282.377)	(19.309.691.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.231.184.381)	(29.485.169.524)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		143.380.000	102.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.661.656.593)	(89.982.902.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		413.865.213.978	498.463.804.989
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(51.207.323.748)	(28.814.482.580)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		217.000.000	-
Tiền chi thuần cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(30.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.061.949.785	24.435.532.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.928.373.963)	(74.378.950.019)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(184.267.259.508)
Tiền chi trả cổ tức	36		(400.530.917.671)	(1.148.118.143.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(400.530.917.671)	(1.332.385.403.452)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(52.594.077.656)	(908.300.548.482)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		568.241.225.180	1.476.544.957.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(2.578.279)	(3.183.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	515.644.569.245	568.241.225.180

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Phùng Đức Tuyên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Quốc Toàn
 Kế toán trưởng


 Dương Sơn Bá
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 5 tháng 10 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là HND.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 850 nhân viên (1/1/2022: 848 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công trình xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số máy móc và thiết bị từ 10 năm lên 15 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng ước tính này đối với chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao 239.961.463.154 VND.

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(ii) Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm phần mềm tổng đài thông tin nội bộ nhà máy, phần mềm kết nối và truyền dẫn cơ sở dữ liệu, được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Nguyên giá xây dựng cơ bản dở dang được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN mà theo đó chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào chi phí trong năm khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục hiện trường

Công ty có nghĩa vụ phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất mà Công ty đã xây dựng nhà máy khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	162.229.637	117.015.458
Tiền gửi ngân hàng	15.482.339.608	18.124.209.722
Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	550.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	515.644.569.245	568.241.225.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 4,6% (1/1/2022: 3% đến 3,7%).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	100.000.000.000	70.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 4,2% đến 5,8% (1/1/2022: 3,7%).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	2.297.731.495.095	1.697.338.224.897
<i>Các bên thứ ba</i>		
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng (ii)	2.167.561.640	2.079.945.205
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	175.167.165	153.674.500
Công ty TNHH My Sơn	497.915.602	180.768.500
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	309.526.766	134.642.000
Các khách hàng khác	409.951.320	225.813.724
	2.301.291.617.588	1.700.113.068.826

- (i) Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời gian thu hồi là 23 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (ii) Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	-	41.558.000.000
Các nhà cung cấp khác	4.287.224.579	9.462.847.909
	4.287.224.579	51.020.847.909

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	4.277.524.915	10.604.244.123
Các khoản phải thu khác	4.585.470.390	4.380.401.256
	<hr/>	<hr/>
	8.862.995.305	14.984.645.379

10. Hàng tồn kho

	31/12/2022 Giá gốc VND	1/1/2022 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	386.803.398.564	538.196.220.121
Công cụ và dụng cụ	18.170.102.020	21.871.269.968
	<hr/>	<hr/>
	404.973.500.584	560.067.490.089

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.382.187.003.628	10.958.266.680.727	228.332.433.298	555.812.488.579	1.319.392.748	22.125.917.998.980
Tăng trong năm	208.365.556	9.158.387.158	7.081.071.907	1.098.247.619	-	17.546.072.240
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.208.053.426	-	-	-	2.208.053.426
Phân loại lại	12.930.000.000	(12.930.000.000)	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	(887.081.390)	-	(887.081.390)
Số dư cuối năm	10.395.325.369.184	10.956.703.121.311	235.413.505.205	556.023.654.808	1.319.392.748	22.144.785.043.256
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.858.444.947.857	9.091.562.579.162	221.744.624.924	426.635.408.611	1.079.250.952	16.599.466.811.506
Khấu hao trong năm	457.178.672.064	465.097.488.892	4.158.781.531	14.731.771.942	26.201.616	941.192.916.045
Thanh lý	-	-	-	(887.081.390)	-	(887.081.390)
Số dư cuối năm	7.315.623.619.921	9.556.660.068.054	225.903.406.455	440.480.099.163	1.105.452.568	17.539.772.646.161
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.523.742.055.771	1.866.704.101.565	6.587.808.374	129.177.079.968	240.141.796	5.526.451.187.474
Số dư cuối năm	3.079.701.749.263	1.400.043.053.257	9.510.098.750	115.543.555.645	213.940.180	4.605.012.397.095

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 6.851.183 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 6.131.502 triệu VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 20(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay lại từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.004.856.847	1.538.106.877	4.542.963.724
Tăng trong năm	9.498.083.598	682.000.000	10.180.083.598
Số dư cuối năm	12.502.940.445	2.220.106.877	14.723.047.322
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.850.942.822	935.698.238	2.786.641.060
Khấu hao trong năm	1.603.263.565	143.155.816	1.746.419.381
Số dư cuối năm	3.454.206.387	1.078.854.054	4.533.060.441
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.153.914.025	602.408.639	1.756.322.664
Số dư cuối năm	9.048.734.058	1.141.252.823	10.189.986.881

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 1.665 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 1.506 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	6.269.692.382	12.187.285.179
Tăng trong năm	360.408.812.073	218.483.071.384
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>23.923.874.030</i>	<i>10.192.557.072</i>
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>336.484.938.043</i>	<i>208.290.514.312</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.208.053.426)	(16.110.149.869)
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(323.175.058.279)	(208.290.514.312)
Số dư cuối năm	41.295.392.750	6.269.692.382

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công trình sửa chữa lớn tuyến đường ống nước, tuyến cáp quang và tuyến cáp ngầm chưa hoàn thành	13.309.879.764	-
Nâng cấp hệ thống quan trắc tự động	12.008.568.259	-
Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải	5.625.091.910	5.625.091.910
Nâng cấp hệ thống AGC	4.574.272.727	-
Nâng cấp hệ thống SCADA	4.384.000.000	-
Các công trình khác	1.393.580.090	644.600.472
	41.295.392.750	6.269.692.382

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	31/12/2022		1/1/2022		Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
		% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND							
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND
Số dư đầu năm	126.029.698.235
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021 (i)	24.366.381.022
Phân bổ trong năm	(5.269.769.264)
	<hr/>
Số dư cuối năm	145.126.309.993
	<hr/>

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã phân bổ lại chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo thời gian sử dụng đất theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021.

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	2.083.039.552
<i>Các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	999.804.500	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	-	1.386.000.099
<i>Các bên thứ ba</i>		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	259.739.760.541	251.283.338.809
Tổng Công ty Đông Bắc	210.776.964.468	30.116.759.320
Viện nghiên cứu Cơ khí	11.383.784.864	2.323.426.017
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	1.922.380.939	2.288.107.888
Công ty TNHH MTV Đo lường - Thí nghiệm điện Miền Bắc	1.065.942.986	-
Công ty Cổ phần Việt Long	-	3.311.133.392
Công ty Cổ phần Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	-	1.376.237.126
Các nhà cung cấp khác	70.188.220.613	46.306.101.495
	<hr/>	<hr/>
	556.076.858.911	340.474.143.698
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp/cán trừ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	173.893.931.277	(151.681.304.701)	-	22.212.626.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.507.626.405	28.810.016.173	(34.231.184.381)	913.541.803	-
Thuế thu nhập cá nhân	177.934.890	6.094.173.115	(5.461.493.471)	-	810.614.534
Thuế tài nguyên	8.763.866.280	95.941.272.960	(98.754.341.400)	-	5.950.797.840
Các loại thuế, phí khác	-	14.236.397.655	(14.236.397.655)	-	-
	13.449.427.575	318.975.791.180	(304.364.721.608)	913.541.803	28.974.038.950

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	913.541.803	913.541.803

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	14.095.137.569	22.742.490.965
Chi phí khác	7.051.635.220	5.283.904.242
	21.146.772.789	28.026.395.207

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	1.170.122.432	1.701.040.103
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	-	65.418.876.676
Kinh phí công đoàn	163.695.962	160.012.242
Bảo hiểm xã hội	866.131.363	826.241.627
Các khoản phải trả khác	1.341.459.800	882.478.785
	3.541.409.557	68.988.649.433

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

20. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	Vay dài hạn đến hạn trả VND
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2022	820.129.317.939
Biến động trong năm:	
Tăng:	
- Chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	758.141.724.706
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	26.792.966.710
Giảm:	
Thanh toán các khoản nợ gốc vay	(840.891.890.676)
Chênh lệch tỷ giá do thanh toán	20.762.572.737
	784.934.691.416
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 31/12/2022	784.934.691.416

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn	1.177.402.037.599	1.957.341.905.456
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(784.934.691.416)	(820.129.317.939)
	392.467.346.183	1.137.212.587.517

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mẹ cấp cao nhất</i>	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)	USD	2024	6,07%	1.177.402.037.599	1.895.354.312.223
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (ii)	JPY	2022	4,41%	-	61.987.593.233
				1.177.402.037.599	1.957.341.905.456

- (i) Khoản vay ngoại tệ (USD) là khoản nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay này chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.
- (ii) Khoản vay ngoại tệ (JPY) là khoản nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay này được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay này chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm, phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Các khoản vay (i) và (ii) được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11).



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	25.416.854.067	25.804.819.660
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	55.431.900.286	90.764.416.000
Nhận từ Tổng Công ty Phát điện 2, công ty mẹ	143.380.000	102.000.000
Nhận từ nguồn quỹ khác	1.002.255.456	341.564.437
Sử dụng trong năm	(55.661.656.593)	(89.982.902.135)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong năm	(2.243.975.039)	(1.613.043.895)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	24.088.758.177	25.416.854.067

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.033.280.000	130.560.492.706	1.618.777.850.075	6.949.024.392.931
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	455.431.900.286	455.431.900.286
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	440.513.434.075	(440.513.434.075)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(90.764.416.000)	(90.764.416.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(1.087.500.000.000)	(1.087.500.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	780.620.000	(780.620.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	5.000.000.000.000	196.652.770.150	3.813.900.000	570.293.306.781	455.431.900.286	6.226.191.877.217
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	546.793.075.362	546.793.075.362
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(55.431.900.286)	(55.431.900.286)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(400.000.000.000)	(400.000.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn (Thuyết minh 25)	-	-	12.735.231.827	(12.735.231.827)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.000.000.000.000	196.652.770.150	16.549.131.827	557.558.074.954	546.793.075.362	6.317.553.052.293

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	255.000.000	2.550.000.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	129.850.000	1.298.500.000.000	25,97%
Các cổ đông khác	115.150.000	1.151.500.000.000	23,03%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, đều được thành lập tại Việt Nam.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 400 tỷ VND (tương đương 800 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: phân phối khoản cổ tức 1.212.500 triệu VND (tương đương 2.425 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020, trong đó có khoản cổ tức 125.000 triệu VND (tương đương 250 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2020).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	570.293.306.781	130.560.492.706
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	-	440.513.434.075
Điều chỉnh nguồn vốn sang vốn khác của chủ sở hữu (Thuyết minh 22)	(12.735.231.827)	(780.620.000)
Số dư cuối năm	<u>557.558.074.954</u>	<u>570.293.306.781</u>

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê**

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê 50 năm ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	13.763.043.899	13.763.043.899
Từ hai đến năm năm	55.052.175.596	55.052.175.596
Sau năm năm	284.388.357.898	298.342.555.185
	<u>353.203.577.393</u>	<u>367.157.774.680</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59	1.400.782	59	1.352.968
JPY	129.876	23.772.503	129.876	26.398.596
		<u>25.173.285</u>		<u>27.751.564</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thị trấn Minh Đức	2021	544.322.778	544.322.778

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	1.428.128.030.805	1.428.128.030.805

(*) Các khoản cam kết chi tiêu vốn của Công ty chủ yếu đến từ dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	10.500.465.175.314	9.020.286.757.147
▪ Doanh thu bán tro xỉ và phế liệu	10.726.044.841	6.253.137.371
	10.511.191.220.155	9.026.539.894.518

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Giá vốn hàng bán**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	7.976.216.692.841	6.473.782.763.785
Chi phí khấu hao và phân bổ	935.273.743.349	1.289.719.359.955
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	323.175.058.279	208.290.514.312
Chi phí nhân công	233.921.379.494	171.909.824.886
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	54.471.061.681	52.310.566.400
Chi phí thuế, phí và lệ phí	104.911.980.960	103.304.513.280
Chi phí khác	69.243.401.043	70.925.214.352
	<hr/> 9.697.213.317.647	<hr/> 8.370.242.756.970 <hr/>

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	15.102.066.220	21.469.559.958
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	31.826.742.575
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	8.465.884.031	21.746.564.508
Thu nhập cổ tức	47.500.000	60.000.000
	<hr/> 23.615.450.251	<hr/> 75.102.867.041 <hr/>

30. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	101.139.201.716	153.110.280.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	40.192.028.361	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	29.228.456.768	-
	<hr/> 170.559.686.845	<hr/> 153.110.280.727 <hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí đào tạo	4.806.586.974	4.108.222.322
Chi phí thuế, phí và lệ phí	24.870.762.543	30.400.449.646
Chi phí nhân viên	37.629.591.541	26.168.501.909
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.397.706.753	6.963.262.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.382.685.400	7.581.850.132
Chi phí khác	31.392.494.900	22.556.097.147
	<hr/>	<hr/>
	117.479.828.111	97.778.383.618

32. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Điều chỉnh theo kết quả kiểm toán nhà nước năm 2021	27.719.036.100	-
- Phân bổ lại chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (Thuyết minh 15)	24.366.381.022	-
- Điều chỉnh khấu hao tài sản cố định	3.010.976.664	-
- Điều chỉnh tăng giá trị hàng tồn kho	341.678.414	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	217.000.000	-
Thu nhập khác	3.848.493.482	4.972.709.592
	<hr/>	<hr/>
	31.784.529.582	4.972.709.592

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	7.980.004.427.894	6.475.517.363.294
Chi phí khấu hao và phân bổ	940.671.450.102	1.296.682.622.417
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	323.175.058.279	208.290.514.312
Chi phí nhân công và nhân viên	271.550.971.035	198.078.326.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.075.822.081	59.892.416.532
Chi phí thuế, phí và lệ phí	129.782.743.503	133.704.962.926
Chi phí khác	101.432.672.864	95.854.934.312

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	27.403.380.188	24.227.285.007
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.406.635.985	(1.233.349)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28.810.016.173	24.226.051.658
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	575.603.091.535	479.657.951.944
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất ưu đãi của Công ty (10%)	57.560.309.153	47.965.795.194
Chi phí không được khấu trừ thuế	57.712.798	52.408.837
Biến động của chênh lệch tạm thời	(2.813.271.971)	436.365.983
Ưu đãi thuế	(27.401.369.792)	(24.227.285.007)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.406.635.985	(1.233.349)
	<hr/>	<hr/>
	28.810.016.173	24.226.051.658
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (từ năm 2011 đến năm 2025) và mức thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 (điều chỉnh lại) VND	2021 (theo báo cáo trước đây) VND
Lợi nhuận thuần trong năm	546.793.075.362	455.431.900.286	455.431.900.286
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(55.431.900.286)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	546.793.075.362	400.000.000.000	455.431.900.286

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại sau khi Công ty nhận được số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 được phê duyệt.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	500.000.000	500.000.000



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2022 VND/cổ phiếu	2021 (điều chỉnh lại) VND/cổ phiếu	2021 (theo báo cáo trước đây) VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.094	800	911

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	903.412.585.676	1.256.020.371.761
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	104.090.272.735	155.256.141.877
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	105.239.417.639	163.512.133.131
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	4.547.137.473	7.780.348.921
Chi phí thuế nhà thầu lãi vay	5.347.774.686	8.302.037.090
Mua điện	23.777.208.470	24.921.127.589
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên)		
Chia cổ tức	204.000.000.000	554.625.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Chia cổ tức	103.880.000.000	282.423.750.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	10.500.465.175.314	9.020.286.757.147
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ công nghệ thông tin	423.064.290	367.858.166

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Mua dịch vụ	-	1.400.050.605
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		
Mua dịch vụ	2.610.302.635	651.203.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Chia cổ tức	8.000.000.000	21.750.000.000
Trung tâm điều độ hệ thống điện miền Bắc		
Chi phí dịch vụ	22.840.000	-
Tiền lương, thưởng và thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Tạ Công Hoan	585.335.000	586.500.000
Ông Lê Văn Chính	72.000.000	94.575.000
Ông Lê Minh Tuấn	501.480.500	454.533.000
Ông Lê Ngọc Nam	34.620.000	110.700.000
Ông Nguyễn Xuân Đặng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)	258.475.818	-
Ông Nghiêm Xuân Chiến (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 24 tháng 6 năm 2022)	37.380.000	-
Ông Dương Sơn Bá (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	72.000.000	117.000.000
Ông Chu Thế Hoàng (là Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 22 tháng 4 năm 2021)	72.000.000	49.500.000
Ông Ngô Minh Quân (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	-	45.075.000
Ông Nguyễn Đức Luyện (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2021)	-	61.200.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	-	82.800.000
Ông Nguyễn Trâm (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	-	16.125.000
Ông Nguyễn Văn Quyên (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)	-	16.125.000
Ông Nguyễn Minh Thành (là Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)	-	35.475.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Tổng Giám đốc		
Ông Dương Sơn Bá (là Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 7 năm 2021)	565.535.000	428.154.000
Ông Nguyễn Thường Quang (là Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	-	259.380.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.334.212.700	850.213.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	758.477.364	616.097.000

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	903.412.585.676	1.256.020.371.761
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng	104.090.272.735	155.256.141.877
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	1.158.037.210	715.331.090

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 9 tháng 3 năm 2023

Người lập:


Phùng Đức Tuyên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Quốc Toàn
Kế toán trưởngDương Sơn Bá
Tổng Giám đốc